

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa từ Công ty Viglacera Yên Hà thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây Dựng - Viglacera. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ Xây Dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200284005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Kim Bồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên
Bà Nguyễn Hương Thảo	Ủy viên
Ông Phạm Văn Doanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Kim Chung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

3111
CỘNG
HÒA
NG K
A/
DANK

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quy, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera được lập ngày 15 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.055.971.800	24.878.892.530
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.521.219.159	5.191.312.066
111	1. Tiền		2.521.219.159	5.191.312.066
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.412.917.316	15.469.849.399
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	24.960.593.365	15.355.235.723
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	408.406.614	854.587.502
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	426.108.281	443.186.665
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.382.190.944)	(1.183.160.491)
140	IV. Hàng tồn kho	8	6.970.557.815	4.162.814.499
141	1. Hàng tồn kho		6.970.557.815	4.162.814.499
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		151.277.510	54.916.566
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	151.277.510	54.916.566
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.479.025.448	18.500.705.614
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.377.444.092	1.074.245.442
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.377.444.092	1.074.245.442
220	II. Tài sản cố định		14.871.581.356	16.700.055.366
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	14.043.985.476	15.699.949.706
222	- Nguyên giá		67.835.374.287	70.534.808.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(53.791.388.811)	(54.834.858.740)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	827.595.880	1.000.105.660
228	- Nguyên giá		1.517.635.000	1.517.635.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(690.039.120)	(517.529.340)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		230.000.000	726.404.806
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	230.000.000	726.404.806
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.534.997.248	43.379.598.144

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		28.659.472.387	27.766.124.051
310	I. Nợ ngắn hạn		26.154.273.588	24.981.573.868
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.788.074.118	4.364.706.020
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.393.150.413	3.014.802.020
314	3. Phải trả người lao động		1.708.180.553	1.394.533.893
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	51.987.377	842.618.386
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	564.271.317	472.163.917
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	16.427.034.872	14.571.934.694
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		221.574.938	320.814.938
330	II. Nợ dài hạn		2.505.198.799	2.784.550.183
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.299.160.000	2.349.160.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	17	1.206.038.799	435.390.183
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.875.524.861	15.613.474.093
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	21.875.524.861	15.613.474.093
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		12.500.000.000	12.500.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		12.500.000.000	12.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		992.182.658	992.182.658
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.599.618.402	1.499.939.022
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		21.673.033	21.673.033
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.762.050.768	599.679.380
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4	54.699.999
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.762.050.764	544.979.381
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.534.997.248	43.379.598.144



Nguyễn Hương Thảo
Người lập



Nguyễn Hương Thảo
Phụ trách Kế toán




Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	92.239.927.355	83.540.920.049
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		92.239.927.355	83.540.920.049
11	4. Giá vốn hàng bán	21	75.557.777.409	72.773.445.946
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.682.149.946	10.767.474.103
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.005.912	5.791.590
22	7. Chi phí tài chính	23	1.795.461.853	1.731.412.905
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.795.461.853	1.731.412.905
25	8. Chi phí bán hàng	24	1.284.205.748	1.366.697.308
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.897.889.394	5.281.756.041
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.708.598.863	2.393.399.439
31	11. Thu nhập khác	26	457.676.434	-
32	12. Chi phí khác	27	119.299.601	1.317.564.318
40	13. Lợi nhuận khác		338.376.833	(1.317.564.318)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.046.975.696	1.075.835.121
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.284.924.932	530.855.740
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.762.050.764</u>	<u>544.979.381</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	5.410	436



Nguyễn Hương Thảo
Người lập



Nguyễn Hương Thảo
Phụ trách Kế toán





Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

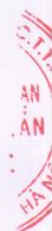
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.046.975.696	1.075.835.121
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.222.755.010	2.365.721.919
03	- Các khoản dự phòng		969.679.069	90.914.220
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(109.423)	(183.287)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(340.896.489)	(5.608.303)
06	- Chi phí lãi vay		1.795.461.853	1.731.412.905
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.693.865.716	5.258.092.575
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.541.657.964)	(1.393.045.010)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.807.743.316)	(28.655.222)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(813.090.025)	1.558.027.309
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		496.404.806	2.170.071.387
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.794.092.812)	(1.803.822.121)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.150.190.056)	(321.627.437)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(99.240.000)	(695.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.015.743.651)	4.744.041.481
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(394.281.000)	(54.300.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		337.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.896.489	5.608.303
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(53.384.511)	(48.691.697)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		62.536.775.159	66.529.691.172
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(61.731.674.981)	(65.712.794.186)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(406.174.346)	(1.486.963.245)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		398.925.832	(670.066.259)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.670.202.330)	4.025.283.525



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.191.312.066	1.165.845.254
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		109.423	183.287
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.521.219.159</u>	<u>5.191.312.066</u>



Nguyễn Hương Thảo
Người lập



Nguyễn Hương Thảo
Phụ trách Kế toán





Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa từ Công ty Viglacera Yên Hà thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây Dựng - Viglacera. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ Xây Dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200284005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Văn Quy, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 12.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 12.500.000.000 đồng; tương đương 1.250.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và chế biến khoáng sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản nguyên liệu gốm sứ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: Thăm dò khai thác khoáng sản nguyên liệu gốm sứ;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến khoáng sản nguyên liệu gốm sứ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2018, ngoài hoạt động bán sản phẩm chính là bột đá, Công ty còn bán quặng đá khai thác được trực tiếp tại các mỏ, giá vốn của quặng đá là các tập hợp chi phí khai thác trực tiếp như nhân công, nguyên liệu, chi phí mỏ... Theo đó, Doanh thu của năm 2018 của Công ty có sự tăng trưởng so với năm 2017, đồng thời lợi nhuận gộp của mặt hàng quặng đá tại mỏ có sự gia tăng so cùng kỳ năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

111
ÔN
NHIỆ
3 KI
A
KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền khai thác mỏ	11 - 14 năm

05 - C
TY
HỮU HẠN
M T O A
SC
- TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quy, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	174.361.902	166.561.112
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.346.857.257	5.024.750.954
	<u>2.521.219.159</u>	<u>5.191.312.066</u>

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	4.109.470.481	-	3.721.532.248	-
Công ty Cổ Phần Kính Nội Chu Lai	6.198.793.109	-	2.130.480.000	-
Công ty TNHH Công Nghiệp Hạ Long	3.337.951.820	-	1.409.888.700	-
Phải thu khách hàng khác	11.314.377.955	(1.382.190.944)	8.093.334.775	(1.183.160.491)
	<u>24.960.593.365</u>	<u>(1.382.190.944)</u>	<u>15.355.235.723</u>	<u>(1.183.160.491)</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>8.744.417.396</u>	<u>-</u>	<u>5.987.398.963</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

1110
KẾ TÍNH
KIỂM
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quy, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tư vấn Công nghệ quản lý Quốc tế	40.000.000	-	40.000.000	-
Công ty tư vấn triển khai CN & XD Mỏ - Địa chất	173.000.000	-	173.000.000	-
Công ty Cổ phần ECC Việt Nam	42.350.000	-	42.350.000	-
Trả trước cho người bán khác	153.056.614	-	599.237.502	-
	408.406.614	-	854.587.502	-

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	13.630.455	-
Tạm ứng	41.000.000	-	51.900.000	-
Tạm ứng cổ tức các năm trước	296.448.655	-	296.448.655	-
Phải thu khác	88.659.626	-	81.207.555	-
	426.108.281	-	443.186.665	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.377.444.092	-	1.074.245.442	-
	1.377.444.092	-	1.074.245.442	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.477.544.796	95.353.852	1.278.514.343	-
- Công ty TNHH Sứ Tây Sơn	428.167.000	-	428.167.000	-
- Công ty CP Kính KALA - Nhà máy Kính Trường Sơn	296.987.839	89.096.352	296.987.839	89.096.352
- Các khoản khác	752.389.957	6.257.500	553.359.504	6.257.500
	1.477.544.796	95.353.852	1.278.514.343	95.353.852

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.996.795.125	-	969.985.169	-
Công cụ, dụng cụ	215.358.822	-	55.403.060	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.338.025.678	-	2.026.407.664	-
Thành phẩm	2.377.421.983	-	584.236.147	-
Hàng hoá	253.439.949	-	259.452.661	-
Hàng gửi đi bán	789.516.258	-	267.329.798	-
	6.970.557.815	-	4.162.814.499	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	15.288.994.134		52.695.974.547		1.632.760.545		917.079.220		70.534.808.446	
- Mua trong năm	394.281.000		-		-		-		394.281.000	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(3.093.715.159)		-		-		(3.093.715.159)	
Số dư cuối năm	15.683.275.134		49.602.259.388		1.632.760.545		917.079.220		67.835.374.287	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	7.472.327.579		45.522.836.366		922.615.575		917.079.220		54.834.858.740	
- Khấu hao trong năm	396.076.041		1.569.795.533		84.373.656		-		2.050.245.230	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(3.093.715.159)		-		-		(3.093.715.159)	
Số dư cuối năm	7.868.403.620		43.998.916.740		1.006.989.231		917.079.220		53.791.388.811	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	7.816.666.555		7.173.138.181		710.144.970		-		15.699.949.706	
Tại ngày cuối năm	7.814.871.514		5.603.342.648		625.771.314		-		14.043.985.476	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.487.944.623 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.932.712.364 đồng.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình gồm quyền khai thác mỏ Phai Hạ giá trị 664.952.000 đồng và quyền khai thác mỏ Hồ Xanh giá trị 852.683.000 đồng được trích khấu hao theo thời hạn khai thác lần lượt là 11 năm và 14 năm. Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2018 là 690.039.120 đồng, trong đó khấu hao năm 2018 là 172.509.780 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	230.000.000	-
Chi phí bóc đất đá Mỏ Phai Hạ	-	543.688.836
Chi phí bóc đất đá Mỏ Hồ Xanh	-	182.715.970
	230.000.000	726.404.806

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Kim Sơn	924.146.204	924.146.204	924.146.204	924.146.204
Công ty TNHH Hạnh Đức	606.527.235	606.527.235	648.092.711	648.092.711
Công ty TNHH Vận tải giao nhận & Thương mại ISTAR	884.932.179	884.932.179	155.414.080	155.414.080
Công ty CP Yên Hà Phát	1.403.705.640	1.403.705.640	199.118.532	199.118.532
Phải trả các đối tượng khác	1.968.762.860	1.968.762.860	2.437.934.493	2.437.934.493
	5.788.074.118	5.788.074.118	4.364.706.020	4.364.706.020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	383.355.184		3.729.869.442		3.771.160.043		-		342.064.583		
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.344.360	-		49.769.770		39.425.410		-		-		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	673.730.303		1.335.255.406		1.150.190.056		-		858.795.653		
Thuế Thu nhập cá nhân	-	48.276.124		45.059.272		9.320.315		-		84.015.081		
Thuế Tài nguyên	-	1.842.833.225		2.915.655.341		4.694.910.688		-		63.577.878		
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-		194.601.227		194.601.227		-		-		
Các loại thuế khác	-	-		3.000.000		3.000.000		-		-		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	44.572.206	66.607.184		2.022.483.202		2.151.098.472		151.277.510		44.697.218		
	54.916.566	3.014.802.020		10.295.693.660		12.013.706.211		151.277.510		1.393.150.413		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V KIẾ
: G KI
: NH
CÒN
: 111

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	51.987.377	50.618.336
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	792.000.050
	<u>51.987.377</u>	<u>842.618.386</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.480.013	5.480.013
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	179.851.155	86.025.505
- Công ty CP Kính Nội Chu Lai - INDEVCO	111.819.000	111.819.000
- Công ty CP Sài Gòn hoả xa - Xí nghiệp dịch vụ vận tải hoả xa Sài Gòn	130.000.000	130.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.121.149	138.839.399
	<u>564.271.317</u>	<u>472.163.917</u>

05
TY
HỮU
MT
SC
3-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	13.600.134.694	13.600.134.694	62.536.775.159	60.510.714.981	15.626.194.872	15.626.194.872
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)	13.455.134.694	13.455.134.694	62.536.775.159	60.470.714.981	15.521.194.872	15.521.194.872
- Vay cá nhân (2)	145.000.000	145.000.000	-	40.000.000	105.000.000	105.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	971.800.000	971.800.000	1.050.000.000	1.220.960.000	800.840.000	800.840.000
- Vay dài hạn đến hạn trả (3)	971.800.000	971.800.000	1.050.000.000	1.220.960.000	800.840.000	800.840.000
	14.571.934.694	14.571.934.694	63.586.775.159	61.731.674.981	16.427.034.872	16.427.034.872
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (3)	3.320.960.000	3.320.960.000	-	1.220.960.000	2.100.000.000	2.100.000.000
	3.320.960.000	3.320.960.000	-	1.220.960.000	2.100.000.000	2.100.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(971.800.000)	(971.800.000)	(1.050.000.000)	(1.220.960.000)	(800.840.000)	(800.840.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2.349.160.000	2.349.160.000			1.299.160.000	1.299.160.000



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/783188/HĐTD ngày 04/06/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 15.521.194.872 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Việc thế chấp tài sản của Công ty theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng và các Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung khác (nếu có) và các biện pháp đảm bảo bổ sung, thay thế.
- (2) Bao gồm 08 hợp đồng vay cá nhân với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền vay tại thời điểm 31/12/2018: 105.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay dao động 9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 105.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/783188/HĐTD ngày 04/04/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3.150.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thay thế 01 buồng nghiền bằng bi nghiền trung tâm, mua sắm mới 01 xe ô tô bán tải, mua sắm mới 01 máy nén khí trục vít và thực hiện công tác bóc khai trường khai thác mỏ;
 - + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu;
 - + Lãi suất cho vay: Điều chỉnh 6 tháng 1/lần, lãi suất trong hạn là 11%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay đã được ký kết giữa bên vay/ bên bảo đảm với Ngân hàng có phạm vi đảm bảo gồm Hợp đồng tín dụng này. Khi thực hiện các biện pháp đảm bảo, Ngân hàng và Khách hàng/Bên thứ ba sẽ ký Hợp đồng đảm bảo tiền vay riêng và thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 2.100.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tiếp theo là 800.840.000 đồng.

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*)	1.206.038.799	435.390.183
	1.206.038.799	435.390.183

(*) Giá trị khoản dự phòng trong năm là khoản dự phòng phải trả về chi phí khôi phục nguyên trạng môi trường sau khi kết thúc thời gian khai thác mỏ Hồ Xanh và mỏ Phai Hạ. Công ty đang trích trước chi phí căn cứ theo quyết định về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Bộ tài nguyên và Môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quy, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	12.500.000.000	992.182.658	992.182.658	534.396.542	21.673.033	3.486.518.120	17.534.770.353					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	544.979.381	544.979.381					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	965.542.480	-	(965.542.480)	-					
Thường ban quản lý	-	-	-	-	-	(681.190.000)	(681.190.000)					
Trả cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)					
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(285.085.641)	(285.085.641)					
Số dư cuối năm trước	12.500.000.000	992.182.658	992.182.658	1.499.939.022	21.673.033	599.679.380	15.613.474.093					
Số dư đầu năm nay	12.500.000.000	992.182.658	992.182.658	1.499.939.022	21.673.033	599.679.380	15.613.474.093					
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	6.762.050.764	6.762.050.764					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	99.679.380	-	(599.679.376)	(499.999.996)					
Số dư cuối năm nay	12.500.000.000	992.182.658	992.182.658	1.599.618.402	21.673.033	6.762.050.768	21.875.524.861					

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng của Hội đồng cổ đông số 01/NQ - ĐHDĐ ngày 05/04/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận chưa phân phối	100,00%	599.679.376		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	16,62%	99.679.380		
Chi trả cổ tức (bằng 4% vốn điều lệ)	83,38%	499.999.996		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Viglacera	51,00%	6.375.000.000	51,00%	6.375.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	49,00%	6.125.000.000	49,00%	6.125.000.000
	100%	12.500.000.000	100%	12.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.500.000.000	12.500.000.000
- Vốn góp đầu năm	12.500.000.000	12.500.000.000
- Vốn góp cuối năm	12.500.000.000	12.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	86.025.505	72.988.750
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	499.999.996	1.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	499.999.996	1.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(406.174.346)	(1.486.963.245)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(406.174.346)	(1.486.963.245)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>179.851.155</u>	<u>86.025.505</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.250.000	1.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.250.000	1.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.250.000	1.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.250.000	1.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.250.000	1.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.599.618.402	1.499.939.022
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.673.033	21.673.033
	1.621.291.435	1.521.612.055

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất tại Thôn Văn Quý, Xã Văn Tiến, Tỉnh Yên Bái để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	42,47	64,47
- Đồng Euro (EUR)	91,42	100,02

31/1
CỘNG
HÀNH
G KII
AA
KIẾP

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiên,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	67.009.755.780	56.061.051.650
Doanh thu bán hàng hóa	-	11.797.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.230.171.575	27.468.070.946
	92.239.927.355	83.540.920.049
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	26.017.189.733	32.600.389.706

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	51.490.317.991	45.027.820.347
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	11.797.453
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.067.459.418	27.733.828.146
	75.557.777.409	72.773.445.946

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.896.489	5.608.303
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	109.423	183.287
	4.005.912	5.791.590

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.795.461.853	1.731.412.905
	1.795.461.853	1.731.412.905

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	378.099.652	549.029.185
Chi phí khác bằng tiền	906.106.096	817.668.123
	1.284.205.748	1.366.697.308

105
C TY
HỮU
M T
3C
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERA

Thôn Văn Quy, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	163.875.373	116.501.812
Chi phí nhân công	2.455.438.724	2.020.357.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	113.676.867	131.736.420
Thuế, phí, lệ phí	95.728.481	100.433.632
Chi phí dự phòng	199.030.453	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	611.242.230	470.635.118
Chi phí khác bằng tiền	2.258.897.266	2.442.091.911
	5.897.889.394	5.281.756.041

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	337.000.000	-
Tiền phạt thu được	93.560.000	-
Thu nhập khác	27.116.434	-
	457.676.434	-

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	119.299.592	1.069.369.444
Chi phí khác	9	248.194.874
	119.299.601	1.317.564.318

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.046.975.696	1.075.835.121
Các khoản điều chỉnh tăng	1.111.124.117	1.578.626.868
- Các khoản phạt, truy thu thuế	115.299.593	1.069.369.444
- Các khoản chi phí không hợp lệ khác	995.824.524	509.257.424
Các khoản điều chỉnh giảm	(109.423)	(183.287)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(109.423)	(183.287)
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.157.990.390	2.654.278.702
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.831.598.078	530.855.740
Điều chỉnh do chênh lệch thuế TNDN phải nộp với cơ quan thuế.	(546.673.149)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.284.924.932	530.855.740
Thuế TNDN các năm trước vào thuế TNDN năm nay theo biên bản kiểm toán nhà nước	50.330.476	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	673.730.303	464.502.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.150.190.056)	(321.627.437)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	858.795.653	673.730.303

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.762.050.764	544.979.381
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.762.050.764	544.979.381
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.250.000	1.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.410	436

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.276.165.805	15.363.556.755
Chi phí nhân công	7.321.220.726	6.531.843.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.222.755.010	2.365.721.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.974.635.849	46.104.085.047
Chi phí khác bằng tiền	199.030.453	-
Chi phí khác bằng tiền	12.373.055.018	9.259.534.338
	84.366.862.861	79.624.741.608

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	2.521.219.159	-	5.191.312.066	-
Phải thu khách hàng, phải thu	26.764.145.738	(1.382.190.944)	16.872.667.830	(1.183.160.491)
	29.285.364.897	(1.382.190.944)	22.063.979.896	(1.183.160.491)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			17.726.194.872	16.921.094.694
Phải trả người bán, phải trả khác			6.352.345.435	4.836.869.937
Chi phí phải trả			51.987.377	842.618.386
			24.130.527.684	22.600.583.017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.521.219.159	-	-	2.521.219.159
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.004.510.702	1.377.444.092	-	25.381.954.794
	<u>26.525.729.861</u>	<u>1.377.444.092</u>	<u>-</u>	<u>27.903.173.953</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.191.312.066	-	-	5.191.312.066
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.615.261.897	1.074.245.442	-	15.689.507.339
	<u>19.806.573.963</u>	<u>1.074.245.442</u>	<u>-</u>	<u>20.880.819.405</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	16.427.034.872	1.299.160.000	-	17.726.194.872
Phải trả người bán, phải trả	6.352.345.435	-	-	6.352.345.435
Chi phí phải trả	51.987.377	-	-	51.987.377
	22.831.367.684	1.299.160.000	-	24.130.527.684
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	14.571.934.694	2.349.160.000	-	16.921.094.694
Phải trả người bán, phải trả	4.836.869.937	-	-	4.836.869.937
Chi phí phải trả	842.618.386	-	-	842.618.386
	20.251.423.017	2.349.160.000	-	22.600.583.017

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Bán sản phẩm VND	Dịch vụ vận chuyên VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	67.009.755.780	25.230.171.575	92.239.927.355
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.519.437.789	1.162.712.157	16.682.149.946
Tổng chi phí mua TSCĐ	394.281.000	-	394.281.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	50.534.997.248	-	50.534.997.248
Tổng tài sản	50.534.997.248	-	50.534.997.248
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	28.659.472.387
Tổng nợ phải trả	-	-	28.659.472.387

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

1001
CÔ
CHÍNH
NG K
AA
V KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quy, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Viglacera Thăng Long	Công ty con của Tổng Công ty Viglacera - Công ty mẹ
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Công ty con của Tổng Công ty Viglacera - Công ty mẹ
Công ty Kính nổi Viglacera	Công ty phụ thuộc
Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	Công ty phụ thuộc
Công ty Sứ Viglacera Mỹ Xuân	Công ty phụ thuộc
Công ty CP Việt Trì Viglacera	Công ty con của Tổng Công ty Viglacera - Công ty mẹ
Tổng công ty Viglacera	Công ty mẹ
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc, ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Kim Bồng	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Hương Thảo	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Văn Doanh	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.017.189.733	32.600.389.706
Công ty Kính nổi Viglacera	10.728.718.058	11.454.708.776
Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	4.760.929.000	3.957.838.500
Công ty CP Viglacera Thăng Long	4.868.514.075	4.717.190.750
Công ty CP Việt Trì Viglacera	2.520.178.100	3.511.523.400
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	-	3.779.226.880
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	-	5.179.901.400
Công ty Sứ Viglacera Mỹ Xuân	1.587.700.500	-
BQLDAĐTNMSứ Viglacera Mỹ Xuân	1.551.150.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	200.574.000	616.945.455
Tổng công ty Viglacera	200.574.000	-
Công ty Kính nổi Viglacera	-	566.545.455
Công ty CP Viglacera Thăng Long	-	50.400.000
Chia cổ tức	255.000.000	765.000.000
Tổng công ty Viglacera	255.000.000	765.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VIGLACERAThôn Văn Quý, Xã Văn Tiến,
Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	8.744.417.396	5.987.398.963
Công ty CP Viglacera Thăng Long	4.109.470.481	3.721.532.248
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	638.235.561	638.235.561
Công ty Kính nội Viglacera	1.538.377.234	294.985.394
Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	613.178.400	876.156.500
Công ty Sứ Viglacera Mỹ Xuân	1.546.470.550	-
Công ty CP Việt Trì Viglacera	298.685.170	456.489.260

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	345.067.867	235.183.801
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị	715.159.135	836.656.391

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.







Nguyễn Hương Thảo Nguyễn Hương Thảo Nguyễn Mạnh Hà
 Người lập Phụ trách Kế toán Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 15 tháng 01 năm 2019